TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14-11-2024
V/v tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 431/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thạch Thị V, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ F, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Chí N, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ F, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 01/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thạch Thị V trình bày:

Vào năm 2011 chị V và anh Nguyễn Chí N quen biết thương yêu nhau và chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống chúng tôi có 01 người con chung tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 20/4/2012, hiện cháu L đang sống cùng chị V. Về tài sản chung, nợ chung thì không có. Chị V xác nhận anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn, tất cả giấy tờ của vợ chồng chị V cất giữ nhưng không có

giấy tờ kết hôn của anh chị, chị cũng đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã T xem xét cho chị về việc anh chị có đăng ký kết hôn thì cũng không có giấy kết hôn và Ủy ban nhân dân xã T có gửi công văn cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang và được Ủy ban nhân dân xã B trả lời nội dung anh chị cũng không có đăng ký kết hôn theo Công văn số 292/UBND-CV ngày 11/4/2024 của UBND xã B.

Chị V xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, vợ chồng đã ly thân được 4 năm nay. Chị V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Do giữa chị và anh Nghĩa L1 chung sống không đi đăng ký kết hôn nên yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc nuôi con chung: Chị V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L đến khi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản tự khai đề ngày 28 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Chí N trình bày:

Vào năm 2011 anh N và chị V quen biết thương yêu nhau và chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang nhưng chị V đã đem về nhà cha mẹ chị V hết nên anh N không còn giấy tờ nào khác. Trong quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 20/4/2012, hiện cháu L đang sống cùng chị V. Về tài sản chung, nợ chung thì không có.

Anh N xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian vào khoảng đầu năm 2024 thì vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng để phải ly hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi làm thường xuyên nên không có ở nhà nên khi về nhà thì anh nghe hàng xóm nói là chị V có quen biết người đàn ông khác và có mua đồ đạc cho chị V, anh N có về nhà cha mẹ chị V thì bị mẹ chị V đuổi ra khỏi nhà, hiện tại anh N không còn ở chung bên nhà chị V nữa mà đang sống ở ghe thuộc xã L Anh N xác nhận vợ chồng chung sống với nhau thì ở đậu đất nhà người ta, sau đó anh có cất nhà ở ấp B và vợ chồng chung sống với nhau không có mâu thuẫn gì, đến ngày mùng 3 tết năm 2024 vì chị V không đưa tiền cho anh về quê nên vợ chồng cự cãi với nhau, từ đó chị V bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay, nên vợ chồng ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nay anh N có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị V vì còn thương vợ con.

Về việc nuôi con chung: Trường hợp Tòa xử cho ly hôn thì tôi đồng ý giao cháu L cho chị V nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị V có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm 4 khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị V và anh N nhưng anh N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V xác định anh chị chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng đến nay anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, anh N cho rằng anh chị chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang nhưng anh N không có giấy tờ gì chứng minh về việc anh chị có đăng ký kết hôn do chị V đã đem toàn bộ giấy tờ trong đó có giấy chứng nhận kết hôn về bên cha mẹ chị V cất giữ, tại phiên tòa chị V xác nhận chị V không giữ giấy đăng ký kết hôn của anh chị, theo Công văn 292/UBND-CV ngày 11/4/2024 của UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang trả lời Công văn của UBND xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang thì xác nhận chị Thạch Thị V và anh Nguyễn Chí N không có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận định chị V và anh N chung sống với nhau từ năm 2011 cho đến nay là không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thì anh chị sống hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2023 cho đến nay, anh N cũng thừa nhận anh và chị V không còn sống chung vì vợ chồng có mâu thuẫn với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị V và anh N từ năm 2011 đến nay là một khoảng thời gian dài nhưng anh chị vẫn không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: “1. N1, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này” thì Hội đồng xét xử nhận định mối quan hệ giữa anh chị là không làm phát

sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên cần xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh N.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị V và anh N cùng xác định anh, chị có một người con chung tên Nguyễn Chí L, sinh ngày 20/4/2012. Chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu L đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Xét thấy, từ khi chị V và anh N sống ly thân cho đến nay chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, cháu vẫn phát triển bình thường, theo biên bản lấy lời khai ngày 05/11/2024 thì cháu L cũng có nguyện vọng sống cùng chị V1, đồng thời anh N cũng đồng ý giao cháu L cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc nếu Tòa án xử cho anh chị ly hôn với nhau. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và nhằm giúp cháu L phát triển tốt về mọi mặt cần tiếp tục giao cháu L cho chị V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp. Trong thời gian chị V nuôi con, anh N được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị V và anh N đều xác nhận về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị V yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị V phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thạch Thị V và anh Nguyễn Chí N.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Chí L, sinh ngày 20/4/2012 cho chị Thạch Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18

tuổi. Trong thời gian chị Thạch Thị V nuôi con, anh Nguyễn Chí N được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thạch Thị V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị V và anh Nguyễn Chí N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thạch Thị V phải nộp 300.000 đồng nhưng chị V được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001329, ngày 02-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, chị V không phải nộp thêm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Quyền kháng cáo: Chị Thạch Thị V và anh Nguyễn Chí N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Quyên

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Thổ Sơn;
- Lưu hồ sơ.